

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

Hệ đào tạo: Đại học chính quy, khóa học 2020-2025

Ngành đào tạo: Dược học

Chuyên ngành đào tạo: Dược học

(Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHTTr ngày /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	2057720001	Lương Thị Thùy Dương	10/11/2002	Nữ	3.15	Khá	
2	2057720002	Trần Thanh Hoài	02/07/2002	Nữ	3.45	Giỏi	
3	2057720003	Phạm Lưu Ly	22/10/1998	Nữ	3.33	Giỏi	
4	2057720004	Lục Thị Hồng Nhung	14/10/2002	Nữ	3.45	Giỏi	
5	2057720005	Dương Thị Diễm Quỳnh	21/09/2002	Nữ	3.31	Giỏi	
6	2057720006	Lê Khánh Vy	23/08/2002	Nữ	3.30	Giỏi	
7	2057720007	MENA PHATHONGINH	30/07/2001	Nữ	3.01	Khá	

(Ấn định danh sách này là 07 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

Hệ đào tạo: Đại học chính quy, khóa học 2025-2019

Ngành đào tạo: Vật lý

Chuyên ngành đào tạo: Vật lý - Môi trường

(Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHTTr ngày /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	1551020004	Cao Thị Diễm	28/10/1997	Nữ	2.71	Khá	

(Ấn định danh sách này là 01 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

Hệ đào tạo: Đại học chính quy, khóa học 2019-2023

Ngành đào tạo: Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

Chuyên ngành đào tạo: Quản trị khách sạn

(Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHTTr ngày /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	1951030001	Mai Hải Anh	19/05/2001	Nữ	2.79	Khá	

(Ấn định danh sách này là 01 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

Hệ đào tạo: Đại học chính quy, khóa học 2019-2023

Ngành đào tạo: Kế toán

Chuyên ngành đào tạo: Kế toán tổng hợp

(Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHTTr ngày /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	1953010015	Nguyễn Bảo Ngọc	14/09/2000	Nữ	2.58	Khá	

(Ấn định danh sách này là 01 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

Hệ đào tạo: Đại học chính quy, khóa học 2017-2021

Ngành đào tạo: Giáo dục Tiểu học

Chuyên ngành đào tạo: Giáo dục Tiểu học

(Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHTT ngày /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	1752020030	Ma Thị Thủy	24/02/1999	Nữ	2.56	Khá	

(Ấn định danh sách này là 01 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

Hệ đào tạo: Cao đẳng chính quy, khóa học 2022-2025

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

Chuyên ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

(Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHTTr ngày /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	2212010002	Vi Thị Kiều Anh	20/02/2003	Nữ	3.40	Giỏi	
2	2212010003	Chúc Thị Dắt	26/09/1999	Nữ	3.62	Xuất sắc	
3	2212010004	Hà Diệu Hằng	09/02/2002	Nữ	3.17	Khá	
4	2212010012	Nguyễn Thị Thanh Huyền	28/03/1997	Nữ	3.27	Giỏi	
5	2212010006	Trần Tuyết Mai	13/10/2004	Nữ	3.08	Khá	
6	2212010001	Nguyễn Thị Thu	26/10/1999	Nữ	3.22	Giỏi	
7	2212010009	Vi Thị Thu Trang	02/02/1997	Nữ	3.43	Giỏi	
8	2212010010	Lường Thảo Trinh	24/04/2004	Nữ	3.17	Khá	

(Ấn định danh sách này là 08 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

Hệ đào tạo: Đại học chính quy, khóa học 2021-2025

Ngành đào tạo: Chăn nuôi

Chuyên ngành đào tạo: Chăn nuôi

(Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHTTr ngày /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	2151050001	Nguyễn Bá Bảo Chi	01/11/2003	Nam	2.62	Khá	
2	2151050005	Nguyễn Văn Tuấn	19/09/2003	Nam	2.85	Khá	
3	2151050007	YUI YOTSAVATH	13/05/2002	Nữ	2.89	Khá	
4	2151050009	Vũ Bình Minh	03/09/2002	Nam	2.40	Trung bình	

(Ấn định danh sách này là 04 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

Hệ đào tạo: Đại học chính quy, khóa học 2021-2025

Ngành đào tạo: Chính trị học

Chuyên ngành đào tạo: Chính trị học

(Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHTTr ngày /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	2157310001	Mai Bá Bằng	13/01/2003	Nam	3.24	Giỏi	
2	2157310002	Hoàng Đức Nghĩa	15/09/2003	Nam	3.44	Giỏi	

(Ấn định danh sách này là 02 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

Hệ đào tạo: Đại học chính quy, khóa học 2021-2025

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

Chuyên ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

(Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHTT ngày /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	2154800013	Bùi Ngọc Định	03/04/2003	Nam	2.33	Trung bình	
2	2154800014	Nguyễn Minh Đức	20/09/2003	Nam	2.07	Trung bình	
3	2154800018	Tề Trung Hiếu	01/11/1997	Nam	3.25	Giỏi	
4	2154800030	Kim Văn Lâm	22/09/1996	Nam	2.35	Trung bình	
5	2154800032	Phạm Hoàng Phương Linh	04/11/2003	Nữ	2.24	Trung bình	
6	2154800033	Lý Thành Long	17/09/2003	Nam	2.04	Trung bình	
7	2154800036	Phan Văn Nam	10/09/2003	Nam	3.30	Giỏi	
8	2154800042	Vũ Minh Phương	16/12/2003	Nam	2.43	Trung bình	
9	2154800048	Nguyễn Tiến Thành	26/11/1999	Nam	2.15	Trung bình	
10	2154800055	BOUNKHAMLAO VAKI	03/05/2000	Nam	2.71	Khá	

(Ấn định danh sách này là 10 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

Hệ đào tạo: Đại học chính quy, khóa học 2021-2025

Ngành đào tạo: Công tác xã hội

Chuyên ngành đào tạo: Công tác xã hội

(Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHTT ngày /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	2151010001	Mã Văn Dường	11/03/2003	Nam	3.09	Khá	
2	2151010002	Hà Văn Hoàng	24/03/1999	Nam	3.40	Giỏi	
3	2151010003	Nguyễn Thị Anh Thư	06/04/2003	Nữ	2.82	Khá	
4	2151010005	Hà Linh Vân	17/07/2003	Nữ	2.79	Khá	

(Ấn định danh sách này là 04 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025**Hệ đào tạo: Đại học chính quy, khóa học 2021-2025****Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non****Chuyên ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non***(Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHTT ngày /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	2152010001	Lê Thị Mai Anh	06/08/2002	Nữ	3.19	Khá	Lớp A
2	2152010002	Lê Phương Anh	16/07/2003	Nữ	2.63	Khá	Lớp A
3	2152010003	Nguyễn Ngọc Anh	03/10/2003	Nữ	2.70	Khá	Lớp A
4	2152010006	Hoàng Thị Ngọc Ánh	29/09/2003	Nữ	3.04	Khá	Lớp A
5	2152010007	Nguyễn Ngọc Ánh	10/12/2003	Nữ	3.01	Khá	Lớp A
6	2152010009	Hoàng Thị Bạch Dương	22/08/2003	Nữ	2.81	Khá	Lớp A
7	2152010010	Phạm Hương Giang	19/04/2003	Nữ	2.88	Khá	Lớp A
8	2152010011	Ma Thị Hà	23/02/2003	Nữ	2.68	Khá	Lớp A
9	2152010015	Vi Thị Hiền	27/06/2003	Nữ	2.62	Khá	Lớp A
10	2152010016	Trần Lê Ngọc Hoa	04/11/2003	Nữ	3.07	Khá	Lớp A
11	2152010017	Văn Thị Kim Hoa	23/10/2003	Nữ	3.28	Giỏi	Lớp A
12	2152010018	Sùng Thị Hoài	25/05/2003	Nữ	2.62	Khá	Lớp A
13	2152010020	Ma Thị Minh Hương	02/01/2003	Nữ	3.17	Khá	Lớp A
14	2152010021	Ma Thị Khánh	21/01/2003	Nữ	3.30	Giỏi	Lớp A
15	2152010022	Hoàng Thị Bích Lan	09/05/2003	Nữ	2.92	Khá	Lớp A
16	2152010024	Ma Thị Phương Linh	05/09/2003	Nữ	2.86	Khá	Lớp A
17	2152010026	Lù Thị Luyện	01/01/2003	Nữ	2.72	Khá	Lớp A
18	2152010028	Ma Thùy Minh	14/08/2001	Nữ	2.96	Khá	Lớp A
19	2152010030	Hà Thị Thảo My	22/01/2003	Nữ	3.01	Khá	Lớp A
20	2152010031	Nguyễn Thị Du My	29/03/2003	Nữ	3.07	Khá	Lớp A
21	2152010032	Nguyễn Thanh Ngân	09/07/2003	Nữ	2.54	Khá	Lớp A
22	2152010033	Đặng Hồng Nhi	24/10/2003	Nữ	2.69	Khá	Lớp A
23	2152010036	Nguyễn Hồng Nhung	13/10/2003	Nữ	3.04	Khá	Lớp A
24	2152010037	Ma Thị Kim Oanh	23/08/2003	Nữ	3.40	Giỏi	Lớp A
25	2152010038	Giàng Lương Phượng	25/10/2003	Nữ	3.16	Khá	Lớp A
26	2152010039	Trần Thị Thoa	22/08/2003	Nữ	2.78	Khá	Lớp A
27	2152010040	Ma Thị Thúy	23/01/2003	Nữ	2.96	Khá	Lớp A
28	2152010041	Trần Thị Thùy	13/07/2003	Nữ	2.80	Khá	Lớp A
29	2152010042	Trương Minh Thư	15/02/2003	Nữ	2.82	Khá	Lớp A
30	2152010044	Đỗ Thủy Tiên	15/06/2000	Nữ	3.24	Giỏi	Lớp A
31	2152010045	Đặng Thị Thùy Trang	05/10/2003	Nữ	3.18	Khá	Lớp A
32	2152010046	Ma Thị Hương Trà	21/11/2003	Nữ	2.60	Khá	Lớp A
33	2152010047	Nguyễn Thị Tuyên	25/10/2003	Nữ	3.08	Khá	Lớp A
34	2152010048	Đàm Thị Tổ Uyên	16/11/2003	Nữ	2.84	Khá	Lớp A
35	2152010049	Hà Tổ Uyên	04/06/2003	Nữ	2.91	Khá	Lớp A
36	2152010050	Hoàng Thị Thu Uyên	07/04/2003	Nữ	2.79	Khá	Lớp A
37	2152010065	Nguyễn Thị Lan Anh	07/10/2003	Nữ	3.00	Khá	Lớp B
38	2152010066	Vũ Thị Lan Anh	15/01/2003	Nữ	2.61	Khá	Lớp B

39	2152010068	Hoàng Thị Kiều Chang	01/06/2003	Nữ	3.22	Giỏi	Lớp B
40	2152010069	Đào Thị Thanh Chúc	06/08/2003	Nữ	2.85	Khá	Lớp B
41	2152010070	Quan Thị Diễm	07/07/2003	Nữ	2.81	Khá	Lớp B
42	2152010071	Sài Thị Điệp	25/09/2003	Nữ	3.01	Khá	Lớp B
43	2152010075	Lương Thị Hậu	27/06/2001	Nữ	3.33	Giỏi	Lớp B
44	2152010076	Lò Thị Hinh	15/10/2003	Nữ	2.95	Khá	Lớp B
45	2152010077	Đàm Thu Hoài	16/05/2003	Nữ	3.15	Khá	Lớp B
46	2152010079	Triệu Thị Hoài	03/05/2003	Nữ	2.92	Khá	Lớp B
47	2152010080	Trịnh Hồng Huế	11/07/2003	Nữ	3.04	Khá	Lớp B
48	2152010081	Lê Phương Huệ	11/12/2003	Nữ	2.80	Khá	Lớp B
49	2152010082	Đỗ Khánh Huyền	17/07/2003	Nữ	2.47	Trung bình	Lớp B
50	2152010084	Ma Thị Thúy Kiều	12/10/2003	Nữ	2.71	Khá	Lớp B
51	2152010085	Hà Thị Linh	12/06/2003	Nữ	2.67	Khá	Lớp B
52	2152010086	Hoàng Khánh Linh	09/02/2003	Nữ	2.67	Khá	Lớp B
53	2152010087	Hoàng Thị Ngọc Ly	05/08/2003	Nữ	3.11	Khá	Lớp B
54	2152010088	Phạm Thị Diệu Ly	04/02/2003	Nữ	3.23	Giỏi	Lớp B
55	2152010090	Quan Thị Nga	24/08/2003	Nữ	2.69	Khá	Lớp B
56	2152010091	Vũ Thị Thúy Nga	23/03/2003	Nữ	3.06	Khá	Lớp B
57	2152010092	Hoàng Bảo Ngọc	14/02/2003	Nữ	2.93	Khá	Lớp B
58	2152010093	Cầm Thị Nhất	30/10/2003	Nữ	2.80	Khá	Lớp B
59	2152010094	Hà Yến Nhi	09/10/2003	Nữ	2.99	Khá	Lớp B
60	2152010096	Phùng Thị Minh Phương	10/10/2003	Nữ	2.58	Khá	Lớp B
61	2152010098	Vũ Thị Diễm Quỳnh	21/10/2003	Nữ	2.90	Khá	Lớp B
62	2152010099	Nông Lê Thẩm	14/10/2003	Nữ	2.97	Khá	Lớp B
63	2152010101	Vàng Thị Thuyên	19/05/2003	Nữ	2.57	Khá	Lớp B
64	2152010102	Quảng Thị Thúy	21/05/2003	Nữ	2.95	Khá	Lớp B
65	2152010104	Phùng Thị Thủy	25/09/2003	Nữ	3.35	Giỏi	Lớp B
66	2152010105	Bùi Huyền Trang	15/06/2003	Nữ	2.70	Khá	Lớp B
67	2152010106	Lưu Huyền Trang	20/11/2003	Nữ	2.71	Khá	Lớp B
68	2152010107	Phan Thanh Trang	02/07/2003	Nữ	2.77	Khá	Lớp B
69	2152010109	Hoàng Thị Vân	09/05/2003	Nữ	2.69	Khá	Lớp B
70	2152010110	Lương Thị Vi	06/11/2003	Nữ	3.01	Khá	Lớp B
71	2152010116	Trần Phương Anh	28/09/2002	Nữ	2.71	Khá	Lớp C
72	2152010117	Phạm Minh Ánh	03/11/2003	Nữ	2.92	Khá	Lớp C
73	2152010118	Trần Thị Châm	20/09/2001	Nữ	2.85	Khá	Lớp C
74	2152010119	Triệu Mùi Chiêu	08/08/2003	Nữ	3.07	Khá	Lớp C
75	2152010120	Hầu Thị Dế	15/09/2002	Nữ	2.91	Khá	Lớp C
76	2152010121	Giàng Thị Dung	03/12/2003	Nữ	3.16	Khá	Lớp C
77	2152010122	Trần Mỹ Duyên	19/10/2003	Nữ	2.68	Khá	Lớp C
78	2152010123	Nguyễn Trà Giang	01/09/2003	Nữ	2.83	Khá	Lớp C
79	2152010124	Cà Thị Hạnh	17/10/2003	Nữ	3.11	Khá	Lớp C
80	2152010125	Lường Thị Hạnh	28/02/2003	Nữ	2.93	Khá	Lớp C
81	2152010126	Trần Thu Hằng	17/07/2002	Nữ	3.02	Khá	Lớp C
82	2152010127	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/02/2003	Nữ	2.98	Khá	Lớp C

83	2152010129	Hù Thị Huệ	29/08/2003	Nữ	3.09	Khá	Lớp C
84	2152010130	Lương Thị Huệ	11/06/2003	Nữ	2.75	Khá	Lớp C
85	2152010131	Triệu Thị Hoàng Huệ	15/03/2003	Nữ	2.61	Khá	Lớp C
86	2152010132	Mùa Thị Huyền	02/12/2003	Nữ	2.78	Khá	Lớp C
87	2152010133	Thùng Thu Huyền	14/04/2003	Nữ	3.04	Khá	Lớp C
88	2152010135	Khoàng Thị Kim	03/04/2003	Nữ	3.25	Giỏi	Lớp C
89	2152010136	Nguyễn Thị Loan	13/08/2003	Nữ	2.81	Khá	Lớp C
90	2152010137	Phùng Thảo Mây	10/03/2003	Nữ	2.78	Khá	Lớp C
91	2152010138	Vàng Sèo Mây	03/02/2003	Nữ	2.75	Khá	Lớp C
92	2152010140	Lùng Thị Máy	01/07/2003	Nữ	3.05	Khá	Lớp C
93	2152010141	Long Thị Nguyên	14/04/2003	Nữ	3.13	Khá	Lớp C
94	2152010142	Lương Thị Thanh Nhân	19/08/2003	Nữ	2.95	Khá	Lớp C
95	2152010143	Lục Thị Nhung	02/01/2003	Nữ	3.21	Giỏi	Lớp C
96	2152010144	Hoàng Thị Phát	05/07/2002	Nữ	3.26	Giỏi	Lớp C
97	2152010145	Hà Lê Thu Phương	12/03/2003	Nữ	2.91	Khá	Lớp C
98	2152010146	Quảng Thị Thanh Phương	11/09/2003	Nữ	3.27	Giỏi	Lớp C
99	2152010147	Thào Thị Phương	18/11/2003	Nữ	2.89	Khá	Lớp C
100	2152010148	Nông Vi Diễm Quỳnh	05/11/2003	Nữ	3.09	Khá	Lớp C
101	2152010149	Vàng Thị Si	10/10/2003	Nữ	2.81	Khá	Lớp C
102	2152010151	Nguyễn Phương Thảo	14/09/2003	Nữ	2.96	Khá	Lớp C
103	2152010153	Mai Thị Thiệt	12/08/2000	Nữ	3.21	Giỏi	Lớp C
104	2152010154	Nguyễn Thị Thu	05/04/2002	Nữ	2.90	Khá	Lớp C
105	2152010155	Nguyễn Thị Thủy Tiên	19/03/2003	Nữ	2.66	Khá	Lớp C
106	2152010156	Nguyễn Luân Hoài Trang	20/09/2003	Nữ	3.35	Giỏi	Lớp C
107	2152010157	Hà Thị Cẩm Vân	21/04/2003	Nữ	3.02	Khá	Lớp C
108	2152010158	Giàng Thị Xay	14/09/2003	Nữ	3.01	Khá	Lớp C
109	2152010160	Lường Thị Hồng Trang	01/11/2003	Nữ	2.96	Khá	Lớp C
110	2152010161	Hoàng Thị Diễm	13/11/2001	Nữ	2.85	Khá	Lớp C
111	2152010163	Phạm Thị Lan Hương	01/08/2002	Nữ	2.77	Khá	Lớp C

(Ấn định danh sách này là 111 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025**Hệ đào tạo: Đại học chính quy, khóa học 2021-2025****Ngành đào tạo: Giáo dục Tiểu học****Chuyên ngành đào tạo: Giáo dục Tiểu học***(Kèm theo QĐ số**/QĐ-ĐHTT ngày**/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	2152020001	Đoàn Văn Anh	01/10/2003	Nam	2.76	Khá	Lớp A
2	2152020002	Nguyễn Thị Nhật Anh	06/04/2002	Nữ	2.86	Khá	Lớp A
3	2152020004	Lâm Hoàng Ánh	01/08/2003	Nữ	2.81	Khá	Lớp A
4	2152020005	Nguyễn Ngọc Ánh	04/11/2003	Nữ	2.96	Khá	Lớp A
5	2152020007	Hoàng Thu Dịu	25/04/2003	Nữ	3.03	Khá	Lớp A
6	2152020008	Đặng Kiều Dung	24/09/2003	Nữ	2.86	Khá	Lớp A
7	2152020009	Bàn Văn Duyên	22/10/2003	Nam	2.50	Khá	Lớp A
8	2152020012	Ma Thị Hương Giang	07/07/2003	Nữ	3.21	Giỏi	Lớp A
9	2152020014	Triệu Thị Thu Hiền	17/07/2003	Nữ	3.07	Khá	Lớp A
10	2152020015	Ma Thu Hoài	05/06/2003	Nữ	3.29	Giỏi	Lớp A
11	2152020016	Ma Trọng Hoat	19/07/2003	Nam	3.24	Giỏi	Lớp A
12	2152020017	Phạm Thị Tân Huyền	20/03/2003	Nữ	2.66	Khá	Lớp A
13	2152020018	Vàng Văn Khánh	29/10/2003	Nam	2.74	Khá	Lớp A
14	2152020019	Hoàng Thị Kiều	22/07/2003	Nữ	3.26	Giỏi	Lớp A
15	2152020020	Trần Thị Lành	06/06/2003	Nữ	3.21	Giỏi	Lớp A
16	2152020021	Bùi Phương Linh	02/08/2003	Nữ	3.43	Giỏi	Lớp A
17	2152020022	Cao Thị Mỹ Linh	03/11/2003	Nữ	3.24	Giỏi	Lớp A
18	2152020023	Hà Thị Hương Loan	14/05/2003	Nữ	2.93	Khá	Lớp A
19	2152020025	Ma Thị Ngọc Mai	30/11/2003	Nữ	3.13	Khá	Lớp A
20	2152020026	Vũ Duy Mạnh	12/06/2003	Nam	2.70	Khá	Lớp A
21	2152020028	Trịnh Công Minh	19/06/2003	Nam	2.83	Khá	Lớp A
22	2152020029	Nguyễn Trà My	21/05/2003	Nữ	2.91	Khá	Lớp A
23	2152020031	Bùi Thị Nguyệt	21/05/2003	Nữ	2.76	Khá	Lớp A
24	2152020032	Vũ Thị Minh Nguyệt	24/10/2003	Nữ	3.24	Giỏi	Lớp A
25	2152020033	Nguyễn Hồng Nhung	24/11/2003	Nữ	3.05	Khá	Lớp A
26	2152020034	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	08/11/2003	Nữ	2.92	Khá	Lớp A
27	2152020035	La Thị Oanh	16/12/2003	Nữ	3.12	Khá	Lớp A
28	2152020036	Triệu Thị Phụng	10/09/2003	Nữ	3.62	Xuất sắc	Lớp A
29	2152020037	Lò Thị Lệ Quyên	29/06/2003	Nữ	2.87	Khá	Lớp A
30	2152020038	Nguyễn Thúy Quỳnh	11/10/2003	Nữ	3.46	Giỏi	Lớp A
31	2152020040	Nguyễn Phương Thảo	08/07/2003	Nữ	3.13	Khá	Lớp A
32	2152020041	Trần Văn Thiện	10/12/2003	Nam	2.54	Khá	Lớp A
33	2152020042	Nguyễn Bảo Thoa	14/02/2003	Nữ	3.00	Khá	Lớp A
34	2152020043	Lao Bích Thu	01/05/2003	Nữ	3.08	Khá	Lớp A
35	2152020044	Trần Đức Thuận	22/05/2003	Nam	3.38	Giỏi	Lớp A
36	2152020046	Hoàng Thị Thu Thùy	09/12/2003	Nữ	3.09	Khá	Lớp A
37	2152020047	Cu Thanh Thủy	26/03/2003	Nữ	3.70	Xuất sắc	Lớp A

38	2152020048	Nguyễn Thu Thủy	13/05/2003	Nữ	2.86	Khá	Lớp A
39	2152020050	Hà Thị Hoài Thương	17/09/2003	Nữ	2.71	Khá	Lớp A
40	2152020052	Châu Hoàng Phương Trang	09/10/2003	Nữ	3.01	Khá	Lớp A
41	2152020053	Đỗ Thị Huyền Trang	31/12/2003	Nữ	3.13	Khá	Lớp A
42	2152020054	Nguyễn Mỹ Trang	27/07/2003	Nữ	3.54	Giỏi	Lớp A
43	2152020055	Phạm Thị Vân	17/06/2003	Nữ	3.33	Giỏi	Lớp A
44	2152020057	Lương Thế Vũ	21/11/2003	Nam	3.10	Khá	Lớp A
45	2152020058	Nguyễn Hoàng Yến	08/11/2003	Nữ	3.79	Xuất sắc	Lớp A
46	2152020065	Nguyễn Tuấn Anh	13/10/2003	Nam	2.81	Khá	Lớp B
47	2152020066	Nguyễn Ngọc Ánh	10/11/2002	Nữ	2.73	Khá	Lớp B
48	2152020067	Nguyễn Thị Linh Chi	16/07/2002	Nữ	3.26	Giỏi	Lớp B
49	2152020068	Vũ Linh Chi	11/07/2003	Nữ	3.24	Giỏi	Lớp B
50	2152020070	Nông Quang Cường	16/07/2003	Nam	2.55	Khá	Lớp B
51	2152020071	Đoàn Ngọc Diệp	03/10/2003	Nữ	2.66	Khá	Lớp B
52	2152020072	Nguyễn Khánh Duy	15/10/2003	Nam	2.58	Khá	Lớp B
53	2152020074	Hứa Văn Dũng	17/01/2002	Nam	2.59	Khá	Lớp B
54	2152020075	Triệu Trung Dũng	12/11/2003	Nam	2.90	Khá	Lớp B
55	2152020077	Phạm Minh Đức	28/07/2003	Nam	3.04	Khá	Lớp B
56	2152020079	Trần Thị Giang	28/09/2002	Nữ	2.86	Khá	Lớp B
57	2152020080	Triệu Thu Hà	02/01/2003	Nữ	3.06	Khá	Lớp B
58	2152020081	Đỗ Thị Hào	19/10/2003	Nữ	3.68	Xuất sắc	Lớp B
59	2152020085	Phạm Phương Hiền	23/12/2003	Nữ	2.92	Khá	Lớp B
60	2152020086	Đỗ Khánh Hòa	29/05/1999	Nữ	2.96	Khá	Lớp B
61	2152020088	Ma Thu Huệ	16/06/2003	Nữ	3.23	Giỏi	Lớp B
62	2152020089	Ma Thị Thanh Huyền	12/03/2002	Nữ	2.76	Khá	Lớp B
63	2152020090	Trương Ngọc Huyền	10/12/2003	Nữ	3.09	Khá	Lớp B
64	2152020091	Nguyễn Đức Hưng	29/11/2003	Nam	2.61	Khá	Lớp B
65	2152020092	Đỗ Thu Hương	12/06/2003	Nữ	3.52	Giỏi	Lớp B
66	2152020093	Nguyễn Thanh Hương	15/03/2003	Nữ	3.35	Giỏi	Lớp B
67	2152020094	Nguyễn Đàm Lê Khanh	06/12/2002	Nữ	3.24	Giỏi	Lớp B
68	2152020095	Phan Thị Lam	01/03/2003	Nữ	2.99	Khá	Lớp B
69	2152020096	Lý Hương Liên	13/07/2003	Nữ	2.79	Khá	Lớp B
70	2152020097	Hoàng Thị Thùy Linh	06/11/2003	Nữ	2.89	Khá	Lớp B
71	2152020098	Hà Hồng Loan	07/12/2003	Nữ	3.62	Xuất sắc	Lớp B
72	2152020099	Hoàng Hương Loan	07/11/2003	Nữ	3.30	Giỏi	Lớp B
73	2152020100	Trần Công Minh	04/02/2003	Nam	2.63	Khá	Lớp B
74	2152020101	Vũ Huyền My	20/08/2003	Nữ	2.84	Khá	Lớp B
75	2152020102	Lý Ly Na	29/11/2003	Nữ	2.74	Khá	Lớp B
76	2152020103	Lù Văn Nam	03/01/2003	Nam	2.51	Khá	Lớp B
77	2152020104	Bàn Thị Ngọc	08/12/2003	Nữ	3.39	Giỏi	Lớp B
78	2152020105	Vương văn Ngọc	20/06/2003	Nam	2.58	Khá	Lớp B
79	2152020106	Trần Yến Nhi	25/10/2003	Nữ	3.03	Khá	Lớp B
80	2152020108	Triệu Minh Phương	15/04/2003	Nữ	2.88	Khá	Lớp B
81	2152020109	Ma Thị Tâm	01/06/2003	Nữ	3.04	Khá	Lớp B

82	2152020110	Lê Thanh Thao	15/10/2003	Nữ	3.34	Giỏi	Lớp B
83	2152020111	Vũ Thị Thi	23/12/2003	Nữ	3.33	Giỏi	Lớp B
84	2152020112	Bùi Phương Thủy	01/10/2003	Nữ	2.97	Khá	Lớp B
85	2152020113	Ma Thủy Tiên	28/09/2003	Nữ	2.82	Khá	Lớp B
86	2152020114	Nguyễn Quốc Toàn	15/01/2003	Nam	2.65	Khá	Lớp B
87	2152020115	Nguyễn Linh Trang	23/12/2002	Nữ	2.71	Khá	Lớp B
88	2152020116	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	16/08/2003	Nữ	3.23	Giỏi	Lớp B
89	2152020117	Đỗ Thanh Tuyền	08/07/2003	Nữ	3.25	Giỏi	Lớp B
90	2152020118	Nguyễn Thị Tuấn Tú	22/08/2003	Nữ	2.92	Khá	Lớp B
91	2152020120	Hoàng Thị Hồng Vân	18/09/2003	Nữ	2.97	Khá	Lớp B
92	2152020122	Chu Hải Yến	25/03/2003	Nữ	3.29	Giỏi	Lớp B
93	2152020123	Hồ Phương Yến	25/09/2003	Nữ	3.32	Giỏi	Lớp B
94	2152020127	Lò Đức Hoàng Anh	07/01/2003	Nam	2.62	Khá	Lớp C
95	2152020128	Nguyễn Thị Lâm Anh	03/08/2003	Nữ	3.06	Khá	Lớp C
96	2152020130	Hoàng Chí Công	25/02/2003	Nam	2.71	Khá	Lớp C
97	2152020006	Hà Vũ Quỳnh Chi	17/11/2003	Nữ	3.02	Khá	Lớp C
98	2152020133	Trần Ngọc Dương	01/04/2003	Nam	3.73	Xuất sắc	Lớp C
99	2152020134	Triệu Duy Đường	27/02/2003	Nam	2.50	Khá	Lớp C
100	2152020135	Tần Mí Đức	09/01/2001	Nam	2.30	Trung bình	Lớp C
101	2152020136	Kiều Châu Giang	14/10/2003	Nữ	3.20	Giỏi	Lớp C
102	2152020137	Nguyễn Hương Giang	18/05/2003	Nữ	3.33	Giỏi	Lớp C
103	2152020139	Vũ Thị Hải	24/11/2003	Nữ	2.81	Khá	Lớp C
104	2152020140	Bùi Thu Hiền	15/06/2003	Nữ	2.78	Khá	Lớp C
105	2152020141	Trần Hoàng Hiệp	25/10/2003	Nam	3.37	Giỏi	Lớp C
106	2152020144	Đặng Hải Huyền	21/08/2003	Nữ	3.30	Giỏi	Lớp C
107	2152020145	Hoàng Thị Thanh Huyền	25/10/2003	Nữ	3.05	Khá	Lớp C
108	2152020146	Ma Thị Huyền	12/04/2003	Nữ	3.46	Giỏi	Lớp C
109	2152020147	Hầu Thị Hường	15/08/2002	Nữ	3.11	Khá	Lớp C
110	2152020148	Chu Thị Hoài Lam	07/08/2003	Nữ	2.79	Khá	Lớp C
111	2152020149	Lý Thị Lan	21/08/2003	Nữ	3.22	Giỏi	Lớp C
112	2152020150	Ma Thị Ngọc Lan	21/11/2003	Nữ	3.00	Khá	Lớp C
113	2152020151	Quan Thị Lan	16/06/2003	Nữ	3.45	Giỏi	Lớp C
114	2152020152	Đinh Việt Lành	28/04/2001	Nam	2.72	Khá	Lớp C
115	2152020153	Vũ Lương Huyền Lê	18/01/2002	Nữ	3.27	Giỏi	Lớp C
116	2152020154	Bùi Mạc Lê	24/05/2003	Nữ	2.94	Khá	Lớp C
117	2152020155	Vàng Thị Liền	15/04/2003	Nữ	2.79	Khá	Lớp C
118	2152020156	Nguyễn Phương Ngọc Linh	28/09/2003	Nữ	2.85	Khá	Lớp C
119	2152020157	Nguyễn Thị Thùy Linh	22/09/2003	Nữ	2.69	Khá	Lớp C
120	2152020158	Nguyễn Thùy Linh	12/05/2003	Nữ	3.02	Khá	Lớp C
121	2152020159	Hoàng Thảo Ly	14/10/2003	Nữ	2.79	Khá	Lớp C
122	2152020160	Phàn Giáng Mây	13/04/2003	Nữ	2.67	Khá	Lớp C
123	2152020161	Triệu Thu Mai	09/08/2003	Nữ	2.96	Khá	Lớp C
124	2152020162	Hoàng Thị Mạnh	05/11/2003	Nữ	3.23	Giỏi	Lớp C
125	2152020163	Đỗ Hoài Ngọc	30/09/2003	Nữ	2.94	Khá	Lớp C

126	2152020165	Lê Hồng Oanh	11/09/2003	Nữ	3.33	Giỏi	Lớp C
127	2152020166	Quan Hoài Phương	24/07/2003	Nữ	2.80	Khá	Lớp C
128	2152020168	Đinh Công Thành	24/10/2001	Nam	3.27	Giỏi	Lớp C
129	2152020169	Đinh Thị Thảo	19/12/2003	Nữ	3.33	Giỏi	Lớp C
130	2152020170	Nguyễn Thu Thảo	16/07/2003	Nữ	2.89	Khá	Lớp C
131	2152020171	Đinh Thị Phương Thùy	10/07/2003	Nữ	2.65	Khá	Lớp C
132	2152020174	Nguyễn Diệu Trinh	29/04/2003	Nữ	2.82	Khá	Lớp C
133	2152020175	Đinh Văn Trường	09/04/2002	Nam	3.28	Giỏi	Lớp C
134	2152020176	Hà Đức Tuấn	26/10/1999	Nam	3.31	Giỏi	Lớp C
135	2152020177	Quân Đức Tuấn	13/12/2003	Nam	2.69	Khá	Lớp C
136	2152020179	Triệu Mỹ Uyên	01/06/2003	Nữ	3.44	Giỏi	Lớp C
137	2152020181	Lương Thị Vân	10/10/2003	Nữ	3.37	Giỏi	Lớp C
138	2152020182	Cùng Văn Vượng	02/08/2002	Nam	2.50	Khá	Lớp C
139	2152020183	Lý Thị Yến	05/02/2003	Nữ	2.69	Khá	Lớp C
140	2152020322	Bùi Thị Chúc	05/12/2003	Nữ	2.93	Khá	Lớp D
141	2152020185	Trần Thị Thanh Chúc	15/05/2002	Nữ	3.38	Giỏi	Lớp D
142	2152020186	Bùi Thị Thùy Dung	01/03/2003	Nữ	3.37	Giỏi	Lớp D
143	2152020187	Phạm Lệ Giang	13/08/2003	Nữ	3.07	Khá	Lớp D
144	2152020188	Tòng Thị Hồng	06/06/2003	Nữ	2.91	Khá	Lớp D
145	2152020190	Hoàng Thanh Huyền	21/02/2003	Nữ	3.08	Khá	Lớp D
146	2152020271	Đỗ Giáng Hương	26/12/2003	Nữ	3.48	Giỏi	Lớp D
147	2152020192	Long Trung Kiên	19/07/2000	Nam	3.11	Khá	Lớp D
148	2152020193	Ma Thị Lan	30/01/2003	Nữ	2.87	Khá	Lớp D
149	2152020194	Hoàng Thị Mỹ Lệ	09/12/2003	Nữ	2.69	Khá	Lớp D
150	2152020195	Đào Thị Yến Linh	12/04/2003	Nữ	3.33	Giỏi	Lớp D
151	2152020196	Ma Diệu Linh	03/07/2003	Nữ	2.98	Khá	Lớp D
152	2152020201	Phạm Thảo Linh	01/09/2003	Nữ	3.29	Giỏi	Lớp D
153	2152020202	Phạm Thị Linh	04/07/2002	Nữ	3.10	Khá	Lớp D
154	2152020204	Lê Ngọc Loan	18/01/2001	Nữ	3.00	Khá	Lớp D
155	2152020205	Lê Đức Long	10/10/2003	Nam	3.03	Khá	Lớp D
156	2152020206	Lê Thị Ly	03/10/2003	Nữ	3.00	Khá	Lớp D
157	2152020207	Vũ Thanh Mai	31/10/2002	Nữ	3.09	Khá	Lớp D
158	2152020208	Long Văn Mạnh	12/11/2003	Nam	2.88	Khá	Lớp D
159	2152020209	Phản Mùi Mướng	10/06/2003	Nữ	2.87	Khá	Lớp D
160	2152020212	Trần Trà My	09/05/2003	Nữ	2.98	Khá	Lớp D
161	2152020319	Đinh Khánh Ngọc	29/04/2003	Nữ	2.88	Khá	Lớp D
162	2152020213	Lưu Bảo Ngọc	04/12/2003	Nữ	3.14	Khá	Lớp D
163	2152020214	Vũ Thị Hồng Ngọc	25/05/2003	Nữ	3.39	Giỏi	Lớp D
164	2152020216	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	08/11/2003	Nữ	3.31	Giỏi	Lớp D
165	2152020217	Phạm Yến Nhi	06/02/2003	Nữ	2.85	Khá	Lớp D
166	2152020218	Nguyễn Phương Nhung	05/03/2003	Nữ	2.95	Khá	Lớp D
167	2152020219	Trần Hồng Nhung	14/01/2003	Nữ	2.82	Khá	Lớp D
168	2152020220	Quách Văn Phúc	29/08/2003	Nam	3.24	Giỏi	Lớp D
169	2152020221	Dương Khánh Phương	17/10/2003	Nữ	2.82	Khá	Lớp D

170	2152020323	Nguyễn Ngọc Phương	09/05/2003	Nữ	2.84	Khá	Lớp D
171	2152020222	Quan Thu Phương	19/05/2003	Nữ	3.24	Giỏi	Lớp D
172	2152020224	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	15/10/2003	Nữ	2.85	Khá	Lớp D
173	2152020225	Trần Hương Quỳnh	28/06/2003	Nữ	2.86	Khá	Lớp D
174	2152020226	Bùi Minh Tâm	31/07/2003	Nữ	3.78	Xuất sắc	Lớp D
175	2152020320	Bùi Thị Minh Tâm	03/12/2003	Nữ	2.71	Khá	Lớp D
176	2152020227	Trần Phương Thanh	27/09/2003	Nữ	2.89	Khá	Lớp D
177	2152020228	Đỗ Thị Phương Thảo	17/02/2003	Nữ	3.66	Xuất sắc	Lớp D
178	2152020229	Ngô Phương Thảo	02/09/2003	Nữ	3.20	Giỏi	Lớp D
179	2152020230	Nguyễn Thị Thịnh	22/02/2002	Nữ	3.44	Giỏi	Lớp D
180	2152020231	Nguyễn Thị Huyền Thoa	07/12/2001	Nữ	3.10	Khá	Lớp D
181	2152020232	Kiều Thanh Thu	13/11/2003	Nữ	3.24	Giỏi	Lớp D
182	2152020233	Bùi Kiều Trang	05/09/2003	Nữ	2.78	Khá	Lớp D
183	2152020235	Hoàng Huyền Trang	21/03/2003	Nữ	3.53	Giỏi	Lớp D
184	2152020236	Hoàng Trần Thùy Trang	01/01/2003	Nữ	3.40	Giỏi	Lớp D
185	2152020237	Hồ Thị Thu Trang	28/07/2003	Nữ	2.90	Khá	Lớp D
186	2152020239	Ngũ Huyền Trang	07/11/2003	Nữ	3.06	Khá	Lớp D
187	2152020240	Phan Huyền Trang	15/01/2003	Nữ	3.64	Xuất sắc	Lớp D
188	2152020242	Lê Thị Thu Uyên	04/12/2002	Nữ	3.03	Khá	Lớp D
189	2152020243	Phạm Hà Vy	07/03/2003	Nữ	3.03	Khá	Lớp D
190	2152020244	Lường Thu Yến	18/06/2003	Nữ	3.00	Khá	Lớp D
191	2152020248	Nguyễn Tuấn Anh	07/10/2003	Nam	2.61	Khá	Lớp E
192	2152020250	Nguyễn Minh Ánh	03/03/2003	Nữ	2.83	Khá	Lớp E
193	2152020251	Nguyễn Minh Ánh	26/02/2003	Nữ	2.84	Khá	Lớp E
194	2152020252	Lò Văn Bình	14/11/2003	Nam	2.91	Khá	Lớp E
195	2152020253	Đỗ Kiều Chi	04/07/2003	Nữ	3.27	Giỏi	Lớp E
196	2152020255	Nùng A Chúc	24/03/2003	Nam	2.80	Khá	Lớp E
197	2152020256	Hà Thùy Dung	31/08/2003	Nữ	2.93	Khá	Lớp E
198	2152020257	Nguyễn Mạnh Duy	21/12/2003	Nam	2.51	Khá	Lớp E
199	2152020259	Hoàng Thị Hà	25/01/2003	Nữ	2.99	Khá	Lớp E
200	2152020262	Trương Thu Hằng	24/07/2003	Nữ	3.31	Giỏi	Lớp E
201	2152020264	Lò Văn Hoàng	08/03/2003	Nam	2.74	Khá	Lớp E
202	2152020265	Phạm Kim Huệ	05/12/2003	Nữ	2.67	Khá	Lớp E
203	2152020266	Hoàng Xuân Huy	04/12/2003	Nam	2.88	Khá	Lớp E
204	2152020267	Nông Đức Huy	16/05/2003	Nam	2.74	Khá	Lớp E
205	2152020268	Nguyễn Mạnh Hùng	07/10/2003	Nam	2.99	Khá	Lớp E
206	2152020270	Nông Hà Hưng	22/12/2001	Nam	2.69	Khá	Lớp E
207	2152020272	Hoàng Thị Hương	23/05/2003	Nữ	2.78	Khá	Lớp E
208	2152020273	Phạm Thị Hường	24/06/2003	Nữ	3.27	Giỏi	Lớp E
209	2152020274	Bùi Thùy Linh	29/09/2003	Nữ	3.29	Giỏi	Lớp E
210	2152020276	Nguyễn Thị Mai	14/02/2003	Nữ	3.75	Xuất sắc	Lớp E
211	2152020277	Phan Thị Nga	12/07/2003	Nữ	3.15	Khá	Lớp E
212	2152020278	Nguyễn Ánh Ngọc	13/11/2003	Nữ	2.80	Khá	Lớp E
213	2152020279	Lò Thị Kim Oanh	28/02/2003	Nữ	2.89	Khá	Lớp E

214	2152020280	Hoàng Thị Thu Phượng	05/05/2002	Nữ	2.69	Khá	Lớp E
215	2152020281	Điêu Thị Như Quỳnh	17/03/2003	Nữ	2.92	Khá	Lớp E
216	2152020283	Lưu Thị Thanh Thảo	23/05/2003	Nữ	3.80	Xuất sắc	Lớp E
217	2152020284	Nguyễn Thu Thảo	28/01/2003	Nữ	3.44	Giỏi	Lớp E
218	2152020285	Lù Văn Thân	25/12/2003	Nam	2.71	Khá	Lớp E
219	2152020286	Lương Hồng Thúy	25/07/2000	Nữ	3.24	Giỏi	Lớp E
220	2152020287	Trần Minh Thúy	25/08/2003	Nữ	3.25	Giỏi	Lớp E
221	2152020289	Nguyễn Thị Lệ Thương	24/05/2003	Nữ	2.91	Khá	Lớp E
222	2152020290	Nguyễn Việt Tiến	10/01/2003	Nam	2.81	Khá	Lớp E
223	2152020291	Tòng Văn Tiến	12/01/2002	Nam	2.43	Trung bình	Lớp E
224	2152020292	Đặng Thiên Trang	14/12/2003	Nữ	3.20	Giỏi	Lớp E
225	2152020293	Điêu Thị Huyền Trang	07/04/2003	Nữ	2.78	Khá	Lớp E
226	2152020294	Hoàng Kiều Trang	12/12/2003	Nữ	3.07	Khá	Lớp E
227	2152020295	Lê Thu Trang	10/10/2003	Nữ	3.24	Giỏi	Lớp E
228	2152020297	Nguyễn Thu Trang	12/03/2003	Nữ	3.11	Khá	Lớp E
229	2152020298	Triệu Thu Trang	15/08/2003	Nữ	3.37	Giỏi	Lớp E
230	2152020299	Lừ Thị Tri	09/10/2002	Nữ	2.58	Khá	Lớp E
231	2152020300	Hứa Ánh Tuyết	20/02/2003	Nữ	3.37	Giỏi	Lớp E
232	2152020301	Quan Thị Uyên	20/01/2001	Nữ	3.21	Giỏi	Lớp E
233	2152020304	Vũ Bích Việt	17/03/2003	Nữ	3.23	Giỏi	Lớp E
234	2152020305	Kiều Thị Yên	20/08/2003	Nữ	3.35	Giỏi	Lớp E
235	2152020307	Nguyễn Khánh Linh	20/10/2003	Nữ	3.54	Giỏi	Lớp E

(Ấn định danh sách này là 235 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025**Hệ đào tạo: Đại học chính quy, khóa học 2021-2025****Ngành đào tạo: Kế toán****Chuyên ngành đào tạo: Kế toán tổng hợp***(Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHTT ngày /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	2053010031	Nguyễn Bích Vân	15/12/1998	Nữ	2.96	Khá	
2	2153010001	Bùi Thị Tú Anh	26/08/2003	Nữ	2.66	Khá	
3	2153010002	Nguyễn Hà Quyên Anh	29/06/2002	Nữ	3.19	Khá	
4	2153010003	Nguyễn Ngọc Anh	03/05/2003	Nữ	2.52	Khá	
5	2153010006	Nguyễn Vân Anh	01/09/2003	Nữ	2.72	Khá	
6	2153010008	Nguyễn Thị Phương Dung	29/08/2003	Nữ	3.20	Giỏi	
7	2153010011	Lương Thu Hà	04/09/2003	Nữ	2.87	Khá	
8	2153010012	Ma Công Hà	12/03/2003	Nam	2.38	Trung bình	
9	2153010015	Phù Thị Hoài	17/09/2003	Nữ	2.86	Khá	
10	2153010016	Châu Thị Hương	26/11/2002	Nữ	3.31	Giỏi	
11	2153010018	Phan Huyền Linh	21/11/2003	Nữ	3.46	Giỏi	
12	2153010019	Trần Thùy Linh	24/03/2003	Nữ	2.58	Khá	
13	2153010024	Nguyễn Đức Mạnh	31/10/2003	Nam	2.75	Khá	
14	2153010026	Phí Trà My	10/06/2002	Nữ	3.46	Giỏi	
15	2153010028	Đỗ Thị Ánh Nga	25/11/2003	Nữ	3.25	Giỏi	
16	2153010031	La Hồng Nhung	18/11/2003	Nữ	2.61	Khá	
17	2153010033	Hoàng Thị Sang	02/10/2003	Nữ	2.91	Khá	
18	2153010034	Trần Thị Thanh Thanh	07/02/2002	Nữ	2.78	Khá	
19	2153010035	Hoàng Thu Thảo	19/03/2003	Nữ	2.84	Khá	
20	2153010036	Hòa Thị Thoan	01/06/1997	Nữ	2.61	Khá	
21	2153010037	La Thị Thùy	21/01/2003	Nữ	2.97	Khá	
22	2153010038	Trần Thu Thủy	02/09/2003	Nữ	2.89	Khá	
23	2153010039	Lục Duy Toàn	29/11/2001	Nam	2.58	Khá	
24	2153010040	Nguyễn Hà Thanh Trúc	10/10/2003	Nữ	2.93	Khá	
25	2153010041	Hoàng Anh Tuấn	05/11/2003	Nam	2.54	Khá	
26	2153010043	Lê Hải Yến	19/10/2003	Nữ	3.05	Khá	
27	2153010044	Lê Thị Hồng Yến	18/01/2003	Nữ	2.77	Khá	
28	2153010046	Vũ Hải Yến	14/09/2003	Nữ	2.74	Khá	
29	2153010048	Nguyễn Phương Thanh	08/10/2003	Nữ	2.75	Khá	
30	2153010049	Trần Thu Thúy	20/05/2003	Nữ	2.82	Khá	

(Ấn định danh sách này là 30 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

Hệ đào tạo: Đại học chính quy, khóa học 2021-2025

Ngành đào tạo: Kinh tế đầu tư

Chuyên ngành đào tạo: Kinh tế đầu tư

(Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHTT ngày /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	2151040003	NAMKHOM PHALICHAN	17/12/2002	Nữ	2.64	Khá	

(Ấn định danh sách này là 01 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

Hệ đào tạo: Đại học chính quy, khóa học 2021-2025

Ngành đào tạo: Kinh tế nông nghiệp

Chuyên ngành đào tạo: Kinh tế nông nghiệp

(Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHTTr ngày /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	2151150001	Tô Văn Chức	03/07/2003	Nam	2.70	Khá	
2	2151150002	PHOMMY SENETHAVONG	22/01/2002	Nam	2.59	Khá	

(Ấn định danh sách này là 02 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

Hệ đào tạo: Đại học chính quy, khóa học 2021-2025

Ngành đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Chuyên ngành đào tạo: Quản trị lữ hành

(Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHTTr ngày /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	2151030004	Đặng Thị Kim Dân	09/11/2003	Nữ	3.26	Giỏi	
2	2151030005	Đinh Thùy Dung	05/09/2003	Nữ	3.30	Giỏi	
3	2151030006	Lê Thu Hà	05/10/2003	Nữ	2.91	Khá	
4	2151030008	Vũ Thị Thiên Huế	23/01/2002	Nữ	2.93	Khá	
5	2151030009	Thào A Kho	09/03/2003	Nam	3.04	Khá	
6	2151030011	Đào Quang Minh	07/08/2003	Nam	2.64	Khá	
7	2151030013	Bàn Thúy Nga	23/05/2003	Nữ	3.29	Giỏi	
8	2151030014	Thào A Páo	20/05/2003	Nam	3.10	Khá	
9	2151030015	Ma Thị Thu Sinh	01/01/2001	Nữ	2.99	Khá	

(Ấn định danh sách này là 09 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

Hệ đào tạo: Đại học chính quy, khóa học 2021-2025

Ngành đào tạo: Quản lý văn hóa

Chuyên ngành đào tạo: Quản lý hoạt động âm nhạc

(Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHTT ngày /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	2153420001	Nguyễn Thị Khánh Ly	17/02/2002	Nữ	2.66	Khá	
2	2153420003	Ngô Hương Trà	03/08/2003	Nữ	3.31	Giỏi	
3	2153420004	Hoàng Mạnh Tuấn	12/09/2002	Nam	3.00	Khá	

(Ấn định danh sách này là 03 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025**Hệ đào tạo: Đại học chính quy, khóa học 2021-2025****Ngành đào tạo: Sư phạm Toán học****Chuyên ngành đào tạo: Sư phạm Toán học***(Kèm theo QĐ số /QĐ-DHTTr ngày /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

STT	Mã người	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	2152090006	Dương Thành Đạt	28/08/2003	Nam	3.23	Giỏi	
2	2152090009	Lý Hương Giang	20/01/2003	Nữ	3.40	Giỏi	
3	2152090011	Nguyễn Văn Hữu	16/08/2003	Nam	3.43	Giỏi	
4	2152090012	Bàn Thu Hà	12/10/2003	Nữ	3.27	Giỏi	
5	2152090013	Hà Hồng Hạnh	09/02/2003	Nữ	2.76	Khá	
6	2152090016	Đinh Trung Hiếu	28/02/2003	Nam	2.81	Khá	
7	2152090017	Đỗ Thu Hiền	13/04/2003	Nữ	3.66	Xuất sắc	
8	2152090020	Nguyễn Thị Thu Hoài	20/07/2003	Nữ	3.35	Giỏi	
9	2152090021	Hà Huy Hoàng	01/08/2003	Nam	3.37	Giỏi	
10	2152090024	Nguyễn Đức Hùng	19/06/2003	Nam	2.72	Khá	
11	2152090025	Đặng Thanh Hương	01/02/2003	Nữ	3.28	Giỏi	
12	2152090027	Hoàng Thu Hương	18/07/2003	Nữ	2.50	Khá	
13	2152090036	Phúc Thị Bảo Ngọc	13/09/2003	Nữ	2.58	Khá	
14	2152090037	Hoàng Thu Kiều Oanh	08/08/2003	Nữ	2.59	Khá	
15	2152090038	Lương Thị Như Quỳnh	09/04/1998	Nữ	3.33	Giỏi	
16	2152090039	Mạ Thị Quỳnh	23/08/2003	Nữ	2.86	Khá	
17	2152090040	Nguyễn Quảng Quỳnh	28/02/2003	Nam	2.61	Khá	
18	2152090041	Tạ Hoàng Sơn	04/05/2003	Nam	3.23	Giỏi	
19	2152090046	Nguyễn Thị Thu Thảo	22/04/2003	Nữ	3.45	Giỏi	
20	2152090048	Đào Thanh Thư	05/09/2003	Nữ	2.87	Khá	
21	2152090049	Phạm Vũ Hà Trang	30/08/2003	Nữ	3.02	Khá	
22	2152090053	Tô Hải Yến	13/09/2003	Nữ	3.29	Giỏi	
23	2152090054	Trần Đức Công	23/10/2003	Nam	2.50	Khá	
24	2152090055	Trần Đại Nghĩa	04/12/2003	Nam	2.82	Khá	
25	2152090056	Viên Đức Tùng	07/07/2003	Nam	2.55	Khá	
26	2152090057	Đặng Phương Linh	19/09/2003	Nữ	2.53	Khá	

(Ấn định danh sách này là 26 người)